

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số:198/2024/DS-ST

Ngày: 29- 08 – 2024

“V/v Đòi tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩ

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Nguyễn Thị Bạ

2. Bà Trần Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quỳnh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột: Ông Y Khang ÊBan- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 323/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 04 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 07 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 199/QĐST-DS ngày 09/8/2024 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C(Vắng mặt)

Địa chỉ: Xã E,thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người được ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh P(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 02 Y B, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

2.Bị đơn: Bà Trần Thị V và ông Huỳnh D(Vắng mặt)

Địa chỉ: Xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1].Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn và đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Phương trình bày:

Bà Nguyễn Thị C và gia đình ông Huỳnh D và bà Trần Thị V có quen biết từ những năm 2018. Bà C đầu tư thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng ông D, bà V. Giữa các bên đã thống nhất thỏa thuận cho vợ chồng ông D, bà V nợ tiền mua cám mà không yêu cầu vợ chồng ông D, bà V phải thanh toán hết ngay tại thời điểm nhận

cám. Đổi lại, vợ chồng ông D, bà V cam kết sau khi thu hồi vốn từ việc bán gia súc, gia cầm vợ chồng ông D, bà V sẽ trả tiền mua cám cho bà C.

Ngày 30/4/2020, giữa vợ chồng ông D, bà V và bà C đã chốt công nợ, vợ chồng ông D, bà V nợ bà C tổng số tiền là: 182.204.000 đồng. Số tiền này bà C đã rất nhiều lần liên hệ cũng như yêu cầu vợ chồng ông D, bà V trả tiền nhưng vợ chồng ông D, bà V không có thiện chí trả nợ, dây dưa, chây ỳ không muốn trả nợ cho bà C, mặc dù rất có điều kiện để trả nợ.

Bà C đã khởi kiện ông D, bà V tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột để yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết và buộc vợ chồng ông D, bà V phải trả cho bà C tổng số tiền: 246.431.000 đồng. Cụ thể như sau: Số tiền nợ gốc là: 182.204.000 đồng

Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn tính số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định là 9%/12 tháng đối với số tiền nợ là 182.204.000 đồng, tạm tính từ ngày 30/4/2020 đến hết ngày 30/3/2024 là: 182.204.000 đồng x 9%/12 tháng x 47 tháng = 64.226.910 đồng.

Nay nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với lãi xuất 9%/năm trên dư nợ gốc tính từ ngày 30/4/2020 đến 07/4/2024. Nguyên đơn vẫn yêu cầu tính lãi xuất tính từ ngày làm đơn khởi kiện là ngày 08/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm lãi xuất là 09%/năm. Nguyên đơn không đồng ý cho ông D, bà V trả dần hay khi nào bán nhà mới trả số tiền trên.

Đối với số tiền trên không liên quan đến chồng tôi là và ông Nguyễn H, ông H đã có lời khai và đã có đơn từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án nên đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng.

2]. Bị đơn ông Huỳnh D trình bày:

Tôi thừa nhận vào ngày 30/4/2020 tôi và bà Trần Thị V lúc đó là vợ chồng có ký nhận nợ số tiền mua cám nuôi heo còn nợ là 182.204.000 đồng. Năm 2021 tôi và bà V đã ly hôn. Nay bà Nguyễn Thị C khởi kiện thì tôi đồng ý trả nợ số tiền trên nhưng tôi phải bán nhà mới có tiền trả cho bà C, tôi đồng ý trả thay cho bà V. Đối với yêu cầu tính lãi xuất số tiền lãi 64.226.910 đồng thì tôi không đồng ý trả vì điều kiện khó khăn. Đối với bà V đã ly hôn thì tôi không cung cấp được địa chỉ của bà V cho Tòa án.

3]. Đối với bà Trần Thị V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 166, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Đề nghị tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C.

-Buộc bà Trần Thị V và ông Huỳnh D phải trả số tiền 182.204.000 đồng tiền mua cám còn nợ và lãi xuất kể từ ngày 08/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

-Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C về việc buộc

bà Trần Thị V và ông Huỳnh D tính lãi xuất 9%/năm trên dư nợ gốc kể từ ngày 30/4/2020 đến ngày 07/4/2024.

-Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “Đòi tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn bà Trần Thị V và ông Huỳnh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 277 bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án:

Bị đơn thừa nhận vào ngày 30/4/2020 có ký nhận còn nợ số tiền 182.204.000 đồng tiền mua cám còn nợ của bà Nguyễn Thị C. Do hoàn cảnh khó khăn nên chưa có tiền trả, nay bà C khởi kiện thì đồng ý trả nhưng khi nào bán được nhà và đất mới có tiền trả.

Xét việc bị đơn nhận nợ tiền mua cám ngày 30/4/2020 là có thật. Do vậy nguyên đơn bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu buộc bà Trần Thị V và ông Huỳnh D phải trả 182.204.000 đồng tiền mua cám còn nợ là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự 2015.

Bà Nguyễn Thị C xin rút một phần yêu cầu tính lãi xuất 9%/năm trên số nợ gốc kể từ ngày 30/4/2020 đến ngày 07/4/2024 nên cần đình chỉ yêu cầu này.

[3]. Về lãi suất: Xét yêu cầu khởi kiện về lãi xuất của nguyên đơn tính từ ngày 08/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/8/2024 là có căn cứ nên cần buộc bà Trần Thị V và ông Huỳnh D phải trả; cụ thể:

$182.204.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 04 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = 6.377.140 \text{ đồng}$

Tổng cộng gốc và lãi là: 188.581.140 đồng.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thị V và ông Huỳnh D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật cụ thể: $188.581.140 \text{ đồng} \times 5\% = 9.429.000 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm.

-Về tiền tạm ứng án phí: Bà Nguyễn Thị C được miễn tiền tạm ứng án phí theo theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 266, Điều 271, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điểm đ Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

Buộc bà Trần Thị V và ông Huỳnh D phải trả số tiền: 188.581.140 đồng; trong đó: 182.204.000 đồng nợ gốc và tiền lãi 6.377.140 đồng cho bà Nguyễn Thị C.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C về việc buộc bà Trần Thị V và ông Huỳnh D tính lãi xuất 9%/năm trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 30/4/2020 đến ngày 07/4/2024.

2. Về án phí: Bị đơn bà Trần Thị V và ông Huỳnh D phải nộp số tiền 9.429.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp. BMT;
- P. Kiểm tra - TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Phạm Văn Vĩ